TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** TỈNH HÀ GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:02a/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2024
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Biên

2. Bà Trần Thị Hoài

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Doãn Khắc Tứ - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Đài Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nông Văn B, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề 22 tháng 9 năm 2023 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày: Chị T và anh Nông Văn B trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu, chung sống với nhau trước sau đó đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang vào ngày 26/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Th c sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn về

quan điểm sống nên thường xuyên cãi, chửi nhau cho đến đầu năm 2022 thì sống ly thân với nhau. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn B để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh B có một con chung là Nông Diệp H, sinh ngày 03/11/2014. Hiện nay cháu H đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nông Văn B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nông Văn B từ khi Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang thụ lý giải quyết cho đến khi xét xử, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với anh Nông Văn B nhưng anh B không có mặt tham gia tố tụng. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án tại thôn T, xã T, huyện V và Ủy ban nhân dân xã T, huyện V nhưng anh Nông Văn B vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thu thập được các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của anh B. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Nông Văn B để xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 25/10/2023 của Tòa án huyện V với UBND xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang và ông Nguyễn Văn T1 – Trưởng thôn Thủy Lâm, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang cung cấp thông tin và xác nhận chị Trương Thị T, sinh năm 1993 và anh Nông Văn B, sinh năm 1991, kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/2014 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống tại địa phương anh B và chị T có nhà riêng, không sống cùng bố mẹ và có 01 con chung là Nông Diệp H, sinh năm 2014; anh B và chị T thường xuyên đi làm thuê ít có thời gian ở nhà nên chính quyền địa phương không thấy anh B, chị T có bất đồng gì lớn, thôn và chính quyền địa phương chưa hòa giải mâu thuẫn đối với anh B và chị T. Hiện anh B lúc thì ở nhà khi thì đi làm thuê nhưng không thông báo tạm vắng với địa phương nên chính quyền địa phương không biết hiện anh B đang ở đâu.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 12/10/2023 cháu Nông Diệp H có nguyện vọng xin được ở cùng chị T.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Trương Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 11 tháng 01 năm 2023. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Trương Thị T và các tài liệu kèm theo. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh Nông Văn B.

Về phần con chung: Chị Trương Thị T đề nghị Tòa án giao con chung của chị với anh B là cháu Nông Diệp H, sinh ngày 03/11/2014 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nông Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang về việc giải quyết vụ án:

Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nông Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1 do anh B vắng mặt, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trương Thị T, cho chị T ly hôn với anh Nông Văn B.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Nông Diệp H, sinh ngày 03/11/2014 cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Nông Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Do anh Nông Văn B (bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn chị Trương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nông Văn B trước khi kết hôn hoàn toàn tự do tìm hiểu, kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang vào ngày 26/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Thủy c sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh

mâu thuẫn về quan điểm sống nên thường xuyên cãi, chửi nhau, đầu năm 2022 thì sống ly thân với nhau từ đó. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn B để chị ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh B và chị T sau thời gian hạnh phúc đã phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng tuy có nhà và con chung nhưng đã sống ly thân với nhau, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, không có tin tưởng, yêu thương chia sẻ với nhau, mặc dù biết chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh B không tham gia các buổi làm việc theo giấy triệu tập, thể hiện sự không mong muốn giữ gìn cuộc sống hôn nhân với chị T nên việc chị T đề nghị xin ly hôn đối với anh Nông Văn B để ổn định cuộc sống và dành thời gian chăm sóc cho con là yêu cầu phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được HĐXX chấp thuận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh B có 01 con chung là Nông Diệp H, sinh ngày 03/11/2014. Hiện nay cháu H đang ở cùng chị Trương Thị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu H cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nông Văn B phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy anh B thường xuyên đi làm công việc xa nhà, không có nhiều thời gian chăm sóc con, mặt khác con chung của hai anh chị là con gái hiện đang sống ổn định cùng chị T nên việc giao con chung của chị T và anh B là cháu Nông Diệp H cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận.Vì quyền lợi của con sau khi ly hôn chị T và anh B có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Trương Thị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện V, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa đồng thuận với ý kiến của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58 khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" của chị Trương Thị T đối với anh Nông Văn B.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nông Văn BBiên.

3. Về con chung: Giao cháu Nông Diệp H, sinh ngày 03/11/2014 cho chị Trương Thị T, sinh năm 1992, trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi kể từ ngày 15/3/2024. Anh Nông Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, sau khi ly hôn anh Nông Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

4. Án phí ly hôn: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000. đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Trương Thị T đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn)* theo biên lai số 0002624 ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang (chị T đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Chị Trương Thị T và anh Nông Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Pháp Luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tr;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Đat